ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 117 /2026/QĐ-UBND	*Vĩnh Long, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2026/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 và Nghị định số 236/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 218/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 5 Điều 44 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị, vận chuyển hành khách công cộng trong đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Quyết định này không áp dụng đối với các xe ưu tiên được quy định tại Điều 27 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 và trong các trường hợp khẩn cấp, cứu nạn, cứu hộ, để khắc phục sự cố thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Yêu cầu chung đối với đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện hoạt động vận tải trong đô thị

1. Đối với đơn vị kinh doanh vận tải: có Giấy phép kinh doanh vận tải do Sở Xây dựng cấp nhưng không bị thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải do vi phạm các quy định của pháp luật.

2. Hoạt động vận tải phải đảm bảo quy định tại Điều 56 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15. Các hoạt động dừng, đỗ, đón trả hành khách, xếp dỡ hàng hóa phải bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, tuân thủ các quy định tại Điều 18 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

3. Phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện và quy định như sau:

a) Đáp ứng các điều kiện đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

b) Còn niên hạn sử dụng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 89/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới; bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại các khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 42 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

c) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với phương tiện vận tải đường bộ trong đô thị theo quy định tại Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

d) Phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải phải được Sở Xây dựng cấp biển hiệu, phù hiệu và còn giá trị sử dụng theo đúng quy định.

Điều 3. Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô

1. Các hoạt động vận tải hành khách phải tuân thủ theo quy định tại Điều 57 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với phương tiện theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

2. Xe buýt, xe ô tô vận chuyển hành khách theo tuyến cố định phải hoạt động đúng tuyến, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng xe, đỗ xe, đón, trả khách đúng nơi quy định; có dụng cụ để gom rác thải của hành khách đi trên xe và chuyển đến vị trí quy định, không được để hành khách đi trên xe bỏ rác thải ra ngoài làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường đô thị.

3. Phải tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp có thay đổi về tuyến đường thì đơn vị vận tải phải chủ động đề xuất với Sở Xây dựng để có phương án điều chỉnh lộ trình tuyến cho phù hợp.

4. Vận tải hành khách bằng xe trung chuyển thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 5 Điều 4 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP và phải chấp hành các quy định khác có liên quan.

Điều 4. Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng

1. Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng trong đô thị phải tuân thủ các yêu cầu về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Đón, trả khách theo địa điểm trong hợp đồng vận chuyển đã ký kết nhưng phải bảo đảm không ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông khi đón, trả hành khách, không vi phạm quy định dừng, đỗ theo quy định tại Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15. Trừ trường hợp cấp cứu người hoặc phục vụ các nhiệm vụ khẩn cấp như thiên tai, địch họa theo yêu cầu của lực lượng chức năng.

3. Xe ô tô vận chuyển hành khách theo hợp đồng phải có dụng cụ thu gom rác thải của hành khách đi trên xe để chuyển đến vị trí quy định, không được để hành khách đi trên xe bỏ rác thải ra ngoài làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường đô thị.

Điều 5. Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi

1. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Xe taxi đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe nhưng phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi đón, trả hành khách, không gây ùn tắc giao thông và phải phù hợp với tổ chức giao thông trong đô thị.

Điều 6. Hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

1. Hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô trong đô thị phải tuân thủ các yêu cầu về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 61 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Xe ô tô chở hàng phải hoạt động đúng tuyến đường, phạm vi và thời gian quy định đối với từng loại xe.

3. Vị trí nhận, trả hàng hóa trong đô thị phải bảo đảm không ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông, không vi phạm quy định dừng, đỗ theo quy định

tại Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

4. Hàng hóa vận chuyển, xếp trên phương tiện phải được xếp đặt gọn gàng, xếp dàn đều, chằng buộc chắc chắn, che đậy kín, chèn, lót đảm bảo không bị xê dịch theo các phương ngang, phương dọc và phương thẳng đứng; đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường; không để rơi vãi khi phương tiện tham gia giao thông; không cản trở tầm nhìn của lái xe; không làm mất thăng bằng của phương tiện hoặc gây khó khăn cho lái xe khi điều khiển; không che khuất đèn, biển số đăng ký và các cảnh báo an toàn của phương tiện. Đơn vị vận tải phải lựa chọn phương tiện giao thông đường bộ phù hợp với kích thước, khối lượng hàng hóa vận chuyển. Hàng hóa được vận chuyển phải phù hợp với kết cấu của khoang chứa hàng và công năng của phương tiện vận chuyển.

5. Trường hợp xe chở hàng hóa quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng trên đường bộ mà cần thiết phải hoạt động trong đô thị thì phải có Giấy phép lưu hành xe còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp và phải đảm bảo các quy định về lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng trên đường bộ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

Điều 7. Thời gian và phạm vi hoạt động cụ thể cho một số loại xe

1. Xe ô tô vận chuyển hành khách theo hợp đồng, xe taxi, xe trung chuyển được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị.

2. Xe ô tô vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, xe buýt được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến cố định đã được công bố nhưng phải tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quyết định này.

3. Xe ô tô chở hàng (bao gồm xe ô tô kinh doanh vận tải và xe ô tô chở hàng nội bộ) được lưu thông trên các tuyến đường trong đô thị, đi theo tuyến đường trong nội dung hợp đồng vận tải hàng hóa nhưng phải đảm bảo hoạt động đúng thời gian và phạm vi theo chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ, phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị của địa phương và quy định của pháp luật về giao thông đường bộ.

Điều 8. Quy định về phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật

1. Xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật phải có kết cấu để người khuyết tật có thể tiếp cận sử dụng theo quy định tại Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ và đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 82:2024/BGTVT.

2. Xe buýt phải có tối thiểu 02 (hai) ghế ưu tiên cho người khuyết tật; có ít nhất 01 (một) chỗ dành cho xe lăn của người khuyết tật. Có trang thiết bị nâng hạ xe lăn hoặc thiết bị nâng hạ sàn xe phục vụ người khuyết tật; có ký hiệu đánh dấu ghế ưu tiên cho người khuyết tật.

Điều 9. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải đầu tư các phương tiện xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Tỷ lệ (%) phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải đăng ký và được chấp thuận tham gia khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, phải đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật, theo lộ trình như sau:

a) Từ năm 2026 đến hết năm 2030 phải có ít nhất 10% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến của đơn vị tham gia.

b) Từ năm 2031 đến hết năm 2035 mỗi năm tăng thêm ít nhất 02% tổng số phương tiện đăng ký khai thác tuyến mới và phương tiện đang hoạt động trên tuyến của đơn vị tham gia trong giai đoạn đầu.

c) Sau năm 2035, tối thiểu phải đạt 20% tổng số phương tiện đăng ký khai thác tuyến mới và phương tiện đang hoạt động trên tuyến trong các giai đoạn trước của đơn vị tham gia có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

3. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt đăng ký để được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hoạt động sau ngày Quyết định này có hiệu lực thì phải có ít nhất 01 phương tiện trở lên đăng ký hoạt động trên tuyến có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật đáp ứng quy định tại Điều 8 của Quy định này, sau đó phải tuân thủ lộ trình thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này (phải bố trí phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật hoạt động trên tuyến). Riêng đối với những phương tiện đã tham gia vận tải khách công cộng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, nếu xe không có thiết bị hỗ trợ thì nhân viên phục vụ có trách nhiệm giúp đỡ cho người khuyết tật lên, xuống xe.

4. Đến đầu năm 2030, kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ xe buýt phải bảo đảm điều kiện tiếp cận, sử dụng của người khuyết tật.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân các xã, phường tuyên truyền, phổ biến các quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng (trước tiên là vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt) xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phục vụ

người khuyết tật tiếp cận sử dụng. Xây dựng kế hoạch thực hiện việc cải tạo, đầu tư mới hạ tầng giao thông đáp ứng yêu cầu phục vụ người khuyết tật.

c) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện Quyết định này khi có yêu cầu. Kiến nghị, bổ sung, điều chỉnh các quy định để hoạt động vận tải phục vụ tốt nhu cầu đi lại, góp phần phát triển kinh tế xã hội các đô thị.

2. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các lực lượng thuộc phạm vi quản lý thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát để kịp thời phát hiện và xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quyết định này theo quy định của pháp luật.

b) Kiểm tra, xử lý các vi phạm về trật tự, an toàn giao thông trong hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị theo quy định.

c) Phối hợp thông báo kết quả xử lý các trường hợp vi phạm của lái xe trong hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long về Sở Xây dựng.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Tuyên truyền, phổ biến Quyết định này và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan đến các tổ chức, cá nhân hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị tại địa phương.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức khảo sát và xác định các điểm dừng đón, trả khách, nhà chờ xe buýt, điểm đỗ xe taxi công cộng tại địa phương. Phối hợp với các cơ quan chức năng rà soát, lắp đặt biển báo hiệu giao thông đường bộ theo quy định đối với các tuyến đường thuộc địa bàn quản lý cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

c) Hàng năm đánh giá tình hình hoạt động vận tải trong đô thị, kiến nghị sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung (nếu có) các nội dung liên quan cho phù hợp với điều kiện của địa phương (thông qua Sở Xây dựng).

4. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Quyết định này và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan trên các phương tiện thông tin đại chúng đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

a) Thực hiện hoạt động vận tải theo đúng quy định của pháp luật. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa trong đô thị phải chấp hành nghiêm Quyết định này và các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ.

b) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải xây dựng kế hoạch thực hiện các quy định về phương tiện vận

chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Quyết định này. Có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng để thực hiện tổ chức tập huấn nghiệp vụ vận tải cho người lái xe kinh doanh vận tải theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 218/2026/NĐ-CP. Đối với nhân viên phục vụ trên xe (nếu có), đơn vị kinh doanh vận tải tự xây dựng chương trình và tập huấn theo yêu cầu kinh doanh của đơn vị. Cấp thẻ nhận dạng lái xe cho lái xe của đơn vị theo quy định.

c) Các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô, bằng xe buýt, bằng taxi có trách nhiệm thực hiện kê khai, niêm yết và thu giá dịch vụ theo đúng quy định.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày *14* tháng 11 năm 2026 và bãi bỏ Quyết định số 72/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Công an tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như khoản 2 Điều 11;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Công an (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Trung tâm TTĐH-VPUBND tỉnh (đăng công báo);
- Trung tâm PVHC công tỉnh;
- Phòng: KTN, TH;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trúc Sơn